

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
BIỂN GLOBAL PACIFIC

Số: 18/2025/CBTT-PCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

\* Mã chứng khoán: PCT

\* Trụ sở chính: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

\* Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334

\* Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Diệu Hoa (Người được ủy quyền Công bố thông tin)

\* Loại thông tin công bố:

☐ 24h

☐ Yêu cầu

☐ Bất thường

☒ Định kỳ

2. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/3/2025 tại đường dẫn [www.pct.com.vn](http://www.pct.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: DH (1b).

NGUYỄN  
DI U HOA

Digitally signed by NGUYỄN DI U HOA  
DN: cn=NGUYỄN DI U HOA, o=VN  
MQU N T O CÔNG TY C PH N V N  
T T B N GLOBAL PACIFIC O CÔNG  
TY C PH N V N T T B N GLOBAL  
PACIFIC  
Reason: I am the author of this document  
Date: 2025-03-20 17:55:07.00



Nguyễn Diệu Hoa

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### **I. Thông tin chung**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vận tải Biển Global Pacific.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305020272.
- Vốn điều lệ: 500.354.930.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.354.930.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
- Địa chỉ: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu văn phòng -Thương mại – Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.62582330/028.62582331
- Website: [www.pct.com.vn](http://www.pct.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PCT
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (PCT), trước đây là Công ty cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long được thành lập vào ngày 04/06/2007 với các cổ đông sáng lập là Tổng Công ty khí (PV Gas), Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) và Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). Ngày 12/9/2011, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PCT. Sự kiện này đã đánh dấu một điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty. Ngày 24/9/2018, Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại PCT và không còn là cổ đông lớn của PCT. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu khi thành lập là vận tải hành khách bằng taxi sử dụng nhiên liệu sạch LPG, CNG, cho thuê xe văn phòng, kinh doanh mua bán LPG, CNG,... Trải qua hơn 10 năm hoạt động, Công ty đã không ngừng tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới như: kinh doanh vận tải nhiên liệu bằng xe bồn, cung cấp dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng và nâng cao tuổi thọ công



trình, kinh doanh mua bán xe ô tô, kinh doanh vận tải thủy nội địa,... Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018, Công ty chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh vận tải xe, chuyển hướng sang lĩnh vực vận tải biển bao gồm quản lý và khai thác tàu. Hiện nay, Công ty tiếp tục hoạt động ổn định trong lĩnh vực này.

- Các sự kiện khác: Không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển).
- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc và toàn thế giới.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): ĐHCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức họp thường niên mỗi năm một lần. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS và các quyết định khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
  - Hội đồng quản trị (HĐQT): HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra, gồm từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị hoạt động với 06 (sáu) thành viên từ ngày 01/01/2024 đến 31/5/2024. Đến 31/5/2024, ĐHCĐ thông qua việc duy trì HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 với 05 (năm) thành viên.
  - Ban kiểm soát (BKS): BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát hiện tại bao gồm 03 (ba) thành viên.
  - Ban Giám đốc: gồm 01 Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

- Các phòng chức năng chuyên môn, chi nhánh: gồm Phòng HSQE, Phòng Tổ chức - Hành chính - Truyền viên, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng An toàn Pháp chế, Phòng Kỹ thuật Vật tư, Phòng Kinh doanh.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2024:
  - Doanh thu: 540.057 triệu đồng;
  - Lợi nhuận trước thuế: 110.064 triệu đồng;
  - Nộp ngân sách nhà nước: 23.614 triệu đồng.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Xây dựng đội tàu trẻ hóa về chất lượng và phát triển về số lượng.
  - Tập trung phát triển, tăng cường tìm kiếm và mở rộng các đối tượng khách hàng đối với dịch vụ quản lý tàu.
  - Tăng cường làm việc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng cho các tàu mà công ty sở hữu, đảm bảo tối đa thời gian khai thác với mức giá thuê cạnh tranh.
  - Tìm kiếm cơ hội khai thác tàu mới.
  - Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại công ty, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, Công ty cũng đặt ra các mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững, vì xã hội, cộng đồng như sau:
  - Về môi trường: xây dựng và trẻ hóa đội tàu với công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, giảm lượng phát thải khí nhà kính. Đối với đội tàu hiện tại, công ty áp dụng các biện pháp quản lý năng lượng hiệu quả trên tàu. Đồng thời, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chống ô nhiễm biển (MARPOL). Bên cạnh đó, áp dụng các tiêu chí về việc tái chế và tiết kiệm tài nguyên (nước, giấy in, năng lượng điện) vào tiêu chuẩn đánh giá KPI đối với người lao động.



- Về xã hội: Đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động. Đối với đội ngũ thuyền viên và nhân viên văn phòng, công ty đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và tổ chức đào tạo an toàn định kỳ. Môi trường làm việc hòa đồng, tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động phát triển kỹ năng, thăng tiến trong sự nghiệp. Việc đào tạo chuyên môn cho thuyền viên và nhân viên luôn được chú trọng nhằm cập nhật kiến thức và kỹ năng. Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm để người lao động có điều kiện tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn cũng như kỹ năng công việc. Ngoài ra, sức khỏe tinh thần cũng được quan tâm bằng cách tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn tâm lý, kiểm tra sức khỏe định kỳ. Một số hoạt động phong trào nổi bật tại công ty bao gồm: tổ chức các hoạt động phong trào nhân dịp kỷ niệm 8/3, 20/10, Tết Trung thu, Staff party...
- Về cộng đồng: Một số hoạt động xã hội được duy trì như công tác từ thiện, nhân đạo, ủng hộ đồng bào bão lụt...

#### 5. Các rủi ro:

- Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá nhiên liệu và giá cước vận tải. Đối với hoạt động vận tải biển, Công ty hạn chế rủi ro bằng cách cho thuê tàu định hạn, giá cước cho thuê sẽ ổn định trong toàn bộ thời gian hợp đồng. Đồng thời, công ty thực hiện ký hợp đồng vận tải theo từng chuyến với một số tàu và sẽ đàm phán để điều chỉnh giá cước vận tải khi có sự biến động về giá nhiên liệu. Công ty hạn chế rủi ro do dịch bệnh bằng cách ban hành các quy định về kiểm soát an toàn y tế trên tàu biển, hạn chế tiếp xúc tàu – bờ và tuyên truyền cho thuyền viên các kiến thức cơ bản để phòng chống dịch bệnh. Công ty cũng cung cấp đầy đủ vật tư y tế theo yêu cầu của đội tàu. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro thị trường ở mức độ vừa phải.
- Rủi ro tín dụng: Xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Trong năm 2024, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có phát sinh rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.
- Rủi ro thanh khoản: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản ngắn hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức

dự phòng tiền mặt. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH 2024 (%)
1	Tổng doanh thu	403.931	409.437	540.057	134%
2	Lợi nhuận trước thuế	51.888	47.108	110.064	212%
3	Lợi nhuận sau thuế	41.853	37.724	87.787	210%
4	Nộp NSNN	10.035	9.990	23.614	235%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 vượt kế hoạch đề ra:

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 540.057 triệu đồng, hoàn thành 134% kế hoạch đặt ra, tăng 32% so với thực hiện năm 2023.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 110.064 triệu đồng, hoàn thành 212% kế hoạch đặt ra, tăng 135% so với thực hiện năm 2023.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 87.787 triệu đồng, hoàn thành 210% kế hoạch đặt ra, tăng 134% so với thực hiện năm 2023.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 thu được những kết quả khả quan như vậy là do bối cảnh nhu cầu vận tải tăng, nguồn cung tàu không tăng, giá cước cải thiện, các tài sản đầu tư đem lại hiệu quả tốt góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý, quản trị, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh để đạt được các chỉ tiêu theo kế hoạch năm đã đề ra.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Võ Ngọc Phụng	Giám đốc	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	Không	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

*abu*



2	Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	Không	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022
3	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc	Cử nhân Quản trị kinh doanh, cử nhân Luật	Không	Bổ nhiệm ngày 01/07/2024
4	Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc	Cử nhân Kế toán	Không	Bổ nhiệm ngày 01/10/2024
5	Phạm Xuân Quang	Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm)	Thạc sỹ kế toán	Không	Bổ nhiệm ngày 06/05/2024 Miễn nhiệm ngày 04/11/2024
6	Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm)	Kỹ sư máy tàu thủy	Không	Bổ nhiệm ngày 04/04/2024 Miễn nhiệm ngày 16/08/2024
7	Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm)	Cử nhân điều khiển tàu biển	Không	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022 Miễn nhiệm ngày 16/09/2024
8	Lê Thị Mai	Giám đốc (đã miễn nhiệm)	Thạc sỹ Kế toán	Không	Bổ nhiệm ngày 31/08/2022 Miễn nhiệm ngày 16/04/2024
9	Lê Thanh Chi	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán	Không	Bổ nhiệm ngày 01/06/2022

*me*

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

- ✓ Ông Võ Ngọc Phụng - Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 10/12/1981
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí động lực
- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2005 – 07/2007	Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải Thương mại Quốc Minh	Phó phòng kỹ thuật
08/2007 – 02/2009	Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải Sao Mai	Trưởng phòng kinh doanh
03/2009 – 12/2010	CTCP Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương	Phó phòng kỹ thuật vật tư
01/2011 – 05/2018	CTCP Vận tải Nhật Việt	Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật vật tư
06/2018 – 09/2022	CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (nay là CTCP Vận tải Biển Global Pacific)	Giám đốc
10/2022 – 15/04/2024	CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (nay là CTCP Vận tải Biển Global Pacific)	Cố vấn cấp cao
31/05/2024 đến nay	CTCP Vận tải Biển Global Pacific	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- ✓ Ông Đoàn Nguyên Sơn - Phó Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 04/08/1976
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí động lực
- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-2010	Công ty Vận tải Dầu khí Falcon	Nhân viên
2010-06/2014	CTCP Vận tải Việt Tín	Nhân viên Máy trưởng
07/2014 - 2018	CTCP Vận tải Nhật Việt	Phó phòng Kỹ thuật Vật tư
2018 - 31/8/2022	CTCP Vận tải Biển Global Pacific (trước là CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam)	Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư
01/9/2022 đến nay	CTCP Vận tải Biển Global Pacific (trước là CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam)	Phó Giám đốc



- ✓ Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy - Phó Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 12/1/1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh và cử nhân Luật
- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1999 - 03/2001	Công ty Hùng Vương - Quân Khu 5	Nhân viên hành chính
04-2001 - 03/2006	Công ty CP Vận tải và Thương Mại Quốc Tế	Phụ trách phòng xuất nhập khẩu, thuyền viên
04/2006 - 05/2010	Công ty CP Vận tải biển, TM Châu Á Thái Bình Dương	Trưởng phòng thuyền viên
06/2010 - 12/2010	Công ty TNHH Vận Tải Nhật Việt	Trưởng phòng nhân sự
01/2011 - 07/2019	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Trưởng phòng hành chính nhân sự
08/2019 - 07/2020	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Giám đốc khối kiểm toán nội bộ
07/2016 - 06/2020	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Thành viên Ban kiểm soát
12/2017 - 10/2021	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (nay là Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific)	Thành viên/ Chủ tịch Hội đồng quản trị
08/2020 - 01/2022	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Giám đốc khối thuyền viên, an toàn pháp chế/ Chủ tịch công đoàn
01/2022 - 11/2023	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Giám đốc
11/2023 - 06/2024	Công ty CP Vận tải Nhật Việt	Phó Giám đốc
01/07/2024 đến nay	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific	Phó Giám đốc

- ✓ Ông Hoàng Anh Quân - Phó Giám đốc Công ty
- Năm sinh: 11/03/1999
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2021 - 2022	Công ty TNHH Vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương	Chuyên viên khai thác
2022 - 09/2024	Công ty TNHH Vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương	Trưởng phòng khai thác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/10/2024 đến nay	CTCP Vận tải Biển Global Pacific	Phó Giám đốc

- ✓ Bà Lê Thị Mai - Giám đốc Công ty (đã miễn nhiệm)
- Năm sinh: 24/06/1987
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán
  - Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 - 2012	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí	Kế toán viên
2012 - 2015	Công ty TNHH Thương mại Quỳnh Anh	Kế toán tổng hợp
2016 - 8/2022	Công ty TNHH Sellan Gas	Kế toán trưởng
2019 - 8/2022	Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific – PCT)	Trưởng Ban Kiểm soát
17/03/2020 - 2024	Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Sao Việt	Kế toán trưởng
18/11/2021 - 2024	Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Phương Đông	Kế toán trưởng
08/2022 - 16/4/2024	Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific	Giám đốc

- ✓ Ông Nguyễn Văn Kiều - Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm)
- Năm sinh: 18/10/1977
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân điều khiển tàu biển
  - Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 2004	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí	Thủy Thủ, Sỹ Quan Boong (Phó 2)
2005 - 2006	Công ty VTB Phú Yên	Thủy thủ
2006 - 2007	Công ty VTB Vinashin	Sỹ quan boong (Phó 2)
2007 - 2008	Công ty VTB ITC Corp	Sỹ quan boong (Phó 2)
2008 - 2009	Công ty VTB Phúc Hai	Sỹ quan boong (Phó 2)
2009 - 2010	Công ty VTB Phương Mai	Trưởng phòng An toàn pháp chế
2011 - 2013	Công ty Dịch Vụ HH Smit Esaco	Thuyền trưởng

*gmc*



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 5/2016	Công ty Global Maritime	Tư vấn, Giám định bảo đảm Hàng hải
11/2016 - 3/2018	Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt	Giám sát An toàn
3/2018 - 12/2018	Công ty cổ phần Vận tải Khí Hoá Chất Việt Nam (Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific – PCT)	Phó phòng An toàn pháp chế
12/2018 - 7/2022	Công ty cổ phần Vận tải Khí Hoá Chất Việt Nam (Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific – PCT)	Thuyền trưởng
9/2022 - 16/9/2024	Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific	Phó Giám đốc

✓ Ông Nguyễn Sơn Lâm - Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm)

- Năm sinh: 09/04/1981

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2014	Công ty cổ phần Thương mại Vận tải biển Trường Phát Lộc	Chuyên viên kỹ thuật
2014 - 2017	Công ty cổ phần Thương mại Vận tải biển Trường Phát Lộc	Trưởng phòng kỹ thuật vật tư
2017 - 2019	Công ty TNHH Hàng hải và Năng lượng xanh	Phó Giám đốc
2019 - 7/2022	Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific – PCT)	Phó phòng kỹ thuật vật tư
5/2021 - 02/2023	Công ty cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam (Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific – PCT)	Trưởng phòng HSQE
4/2024 - 8/2024	Công ty CP Vận tải Biển Global Pacific	Phó Giám đốc

✓ Ông Phạm Xuân Quang – Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm)

- Năm sinh: 04/9/1980

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán

- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002 - 07/2003	Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 (Cienco 5)	Chuyên viên
08/2003 - 05/2008	Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Chuyên viên
05/2008 - 05/2018	Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Kế toán trưởng
12/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cường	Giám đốc
05/2024 - 11/2024	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific	Phó Giám đốc

- ✓ Bà Lê Thanh Chi – Kế toán trưởng
- Năm sinh: 25/09/1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Tóm tắt quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2007 - 12/2008	CTCP sản xuất Kinh doanh phụ tùng Ô tô Hoàng Mai	Nhân viên
01/2009 - 05/2009	CTCP sản xuất thương mại Mai Linh	Nhân viên
06/2009 - 11/2009	CN1 CTCP Vận tải Tốc hành Mai Linh	Nhân viên
04/2010 - 08/2020	Công ty TNHH Vận tải Nhật Việt	Nhân viên
10/2010 - 08/2020	CTCP Vận tải Nhật Việt	Nhân viên/ Chuyên viên/ Phó Phòng
04/2021 - 05/2022	CTCP Xây lắp Sông Minh	Phụ trách Kế toán
06/2022 đến nay	CTCP Vận tải Biển Global Pacific (trước là CTCP Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam)	Kế toán trưởng

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2024: 175 người.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu số 04 - tàu Windsor và triển khai đầu tư tàu số 05 như kế hoạch được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 và một số tài sản khác như sau:



- Đầu tư tàu Windsor: Dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (tàu số 04) được triển khai từ tháng 6/2024 và đã hoàn thành bằng việc mua thành công tàu Windsor trong tháng 7/2024. Sau khi Công ty nhận bàn giao từ chủ tàu là Công ty TNHH vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương vào ngày 17/7/2024, tàu Windsor đăng ký treo cờ Panama, phân cấp KR và ký hợp đồng khai thác trong Pool Maersk Tankers (MAERSK TANKERS A/S), tuyến hoạt động: Toàn cầu (Worldwide). Nguyên giá tài sản: 570.893 triệu đồng.

- Đầu tư tàu PCT-Artemis: Dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (tàu số 05) được triển khai từ tháng 6/2024 và đã hoàn thành bằng việc mua thành công tàu PCT-Artemis (tên cũ là Opec Victory) trong tháng 01/2025.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	So sánh 2024/2023 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.238.532	1.898.739	153%
2	Doanh thu thuần	409.437	540.057	132%
3	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	46.378	109.775	237%
4	Lợi nhuận khác	762	289	38%
5	Lợi nhuận trước thuế	47.108	110.064	234%
6	Lợi nhuận sau thuế	37.724	87.787	233%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,14	1,4	
	Hệ số thanh toán nhanh (= (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,11	1,36	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		0	
	Hệ số nợ /tổng tài sản	0,54	0,65	
	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,15	1,88	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		0	

	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	82,32	39,86	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,33	0,28	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		0	
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,092	0,16	
	Hệ số LNST/Vốn CSH	0,066	0,13	
	Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,030	0,05	
	Hệ số LN từ SXKD/Doanh thu thuần	0,143	0,2	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 50.035.493 cổ phần.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 50.035.493 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 31/12/2024):

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.036</b>	<b>50.034.773</b>	<b>99,9986</b>
1	Tổ chức	05	12.430	0,0248
2	Cá nhân	1.031	50.022.343	99,9737
	Cổ đông lớn	4	44.810.612	89,5600
	Cổ đông nhỏ	1027	5.211.731	10,4138
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>02</b>	<b>720</b>	<b>0,0014</b>
1	Tổ chức	1	120	0,0002
2	Cá nhân	1	600	0,0012
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.038</b>	<b>50.035.493</b>	<b>100</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%.

Không có cổ đông nhà nước.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn ĐL sau tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp
2007		300.000	Góp vốn bằng tiền	Sở KH&ĐT TP.HCM: Giấy CN ĐKDN lần đầu ngày 04/06/2007.
2011	(70.000)	230.000	Giảm vốn để phù	Sở KH&ĐT TP. HCM: Giấy CN



Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn ĐL sau tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp
			hợp với tình hình góp vốn thành lập Công ty thực tế	ĐKDN thay đổi lần thứ 08 ngày 15/06/2011.
2022	45.998,96	275.998,96	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	- Sở KH&ĐT TP. HCM: Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 24 ngày 22/12/2022. - UBCKNN: Văn bản số 7965/UBCK-QLCB ngày 30/11/2022 của UBCKNN về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức của PCT.
2023	224.355,97	500.354,93	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	- Sở KH&ĐT TP. HCM: Giấy CN ĐKDN thay đổi lần thứ 26 ngày 27/09/2023. - UBCKNN: Văn bản số 6168/UBCK-QLCB ngày 11/09/2023 của UBCKNN về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của PCT.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác:

Đối với việc thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 phê duyệt theo Tờ trình số 18/TTr-PCT-HĐQT ngày 25/4/2024: Công ty đã nộp hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong tháng 9/2024 và đang trong quá trình giải trình, hoàn thiện hồ sơ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (ESG) của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Phần lớn lượng phát thải nhà kính xuất phát từ hoạt động của đội tàu Công ty. Tổng phát thải khí CO<sub>2</sub> đối với 03 tàu thuộc sở hữu của Công ty trong năm 2024 ước tính như sau:



	Mức phát thải CO <sub>2</sub> (tấn/năm)
Tàu Goby	14.637
Tàu Loyal	16.259
Tàu Orion	15.296

Đối với tàu Windsor, tàu chính thức hoàn tất việc đầu từ vào tháng 7/2024 nên Công ty sẽ thu thập và báo cáo số liệu này tại Báo cáo thường niên năm 2025.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Việc giảm thiểu phát thải khí nhà kính là mục tiêu bền vững mà Công ty hướng tới trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã và đang xây dựng chiến lược toàn diện bằng cách kết hợp nhiều biện pháp.

Trước hết, tối ưu hóa hiệu suất hoạt động của đội tàu là yếu tố then chốt, bao gồm giảm tốc độ hành trình, tối ưu hóa tuyến đường, bảo trì và vệ sinh tàu thường xuyên. Thứ hai, chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch hơn như nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp theo quy định của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO). Thứ ba, hướng đến mục tiêu trẻ hóa đội tàu bằng phương án đóng các tàu mới được áp dụng công nghệ tiên tiến giúp hạn chế phát thải ra môi trường. Cuối cùng, các biện pháp hành chính và quản lý như kiểm kê khí nhà kính, xây dựng chính sách và mục tiêu giảm phát thải, đào tạo và nâng cao nhận thức, tham gia các chương trình và sáng kiến quốc tế để đạt được mục tiêu giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong các năm tiếp theo.


## 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động của đội tàu trong năm 2024:

Hoạt động chủ yếu của các tàu thuộc đội tàu Công ty được duy trì bởi nhiên liệu MDO và FO. Tổng lượng nguyên liệu tiêu thụ trong năm 2024 đối với 03 tàu thuộc sở hữu của Công ty ước tính như sau:

	MDO (tấn/năm)	FO (tấn/năm)
Tàu Goby	950,550	3.721,636
Tàu Loyal	845,861	4.350,354
Tàu Orion	866,600	4.019,700

## 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng điện tiêu thụ đối với văn phòng công ty trong năm 2024 ước tính khoảng 33.000 kWh. Đây là mức hợp lý đối với diện tích văn phòng và số lượng người lao động của công ty. 



#### 6.4. Tiêu thụ nước:

Tổng lượng nước tiêu thụ đối với văn phòng công ty trong năm 2024 ước tính khoảng 130 m<sup>3</sup>. Đây là mức hợp lý rất tiết kiệm đối với diện tích văn phòng và số lượng người lao động của công ty.

Đối với đội tàu, nước được sử dụng cho sinh hoạt của thuyền viên và cho mục đích vệ sinh hầm hàng là chủ yếu. Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 đối với 03 tàu thuộc sở hữu của Công ty ước tính như sau:

	Lượng nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> /năm)
Tàu Goby	7.100
Tàu Loyal	5.600
Tàu Orion	6.200

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động đến hết 31/12/2024: 175 người.

Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2024: 51,38 triệu đồng.


- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Năm 2024, Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV: gặp mặt người lao động nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức đêm hội trăng rằm cho các cháu thiếu nhi nhân tết trung thu; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình các người lao động dịp Tết Nguyên đán; tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ; tổ chức hoạt động tham quan, du lịch trong và ngoài nước. Chế độ phúc lợi của người lao động được đảm bảo theo Thỏa ước lao động tập thể.

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các tổ chức Đoàn thể trong Công ty, năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện tốt các nghĩa vụ cộng đồng tại địa phương như tham gia hoạt động an sinh xã hội, quyên góp, ủng hộ đồng bào vùng bão lụt.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: 

Năm 2024 tiếp tục là một năm phục hồi cho các doanh nghiệp vận tải dầu khí, với giá thuê tàu chở dầu duy trì ở mức cao hơn năm trước, tiếp nối xu hướng tăng trưởng của thị trường vận tải dầu toàn cầu. Công ty tiếp tục duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển và quản lý tàu, đồng thời chủ động thích ứng với tình hình mới. Việc tập trung vào tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, đầu tư vào công nghệ và đào tạo nhân lực là những giải pháp được ưu tiên. Công ty cũng chú trọng đến việc mở rộng thị trường, tìm kiếm các cơ hội hợp tác và liên kết để tăng cường năng lực cạnh tranh. Nhờ sự lãnh đạo quyết đoán của Ban Giám đốc, sự chỉ đạo sát sao và hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cùng với sự ủng hộ của các cổ đông và nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Các chỉ tiêu tài chính đạt được:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH2024/2023	Tỷ lệ TH/KH 2024
1	Tổng doanh thu	403.931	409.437	540.057	132%	134%
2	Lợi nhuận trước thuế	51.888	47.108	110.064	235%	212%
3	Lợi nhuận sau thuế	41.853	37.724	87.787	234%	210%
4	Nộp NSNN	10.035	9.990	23.614	236%	235%

(Tổng doanh thu bao gồm: doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và thu nhập khác).


## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2024 tăng 153% so với 01/01/2024. Tổng giá trị tài sản dài hạn của công ty tăng 1,43 lần từ 1.046 tỷ lên 1.496 tỷ, vì thế cơ cấu giữa tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có sự thay đổi đáng kể. Dưới sự điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tăng, hệ số LNST/tổng tài sản đạt 0,05 (so với mức 0,030 của năm 2023).

Năm 2024, công tác quản lý công nợ phải thu cũng được thực hiện chặt chẽ. Trong năm 2024 không có khoản trích lập nợ khó đòi.

### b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả trên tổng tài sản tại 31/12/2024 là 0,65, tăng so với mức 0,54 tại thời điểm 01/01/2024. Trong năm, Công ty đã tắt toán, thanh toán các khoản nợ nhà cung cấp đến hạn, không để phát sinh các khoản nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. 



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Áp dụng các phần mềm quản lý công việc để tối ưu hóa hoạt động và giảm thiểu sai sót.
- Cải tiến quy trình làm việc theo khuyến nghị của các tổ chức đánh giá chất lượng hoạt động của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025: đang trong quá trình chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 nên các số liệu về kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025 sẽ được cập nhật sau.

Các nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý và khai thác của đội tàu Công ty sở hữu và dịch vụ quản lý tàu cho đối tác.
- Nghiên cứu, tìm kiếm, mở rộng thị trường đối với dòng tàu dầu/ hóa chất mà Công ty sở hữu và các tàu dự kiến được đầu tư đóng mới trong tương lai.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại Công ty, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành; rà soát, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác đào tạo, tuyển dụng nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương 50 tỷ đồng, qua đó tăng vốn điều lệ Công ty từ 500 tỷ đồng lên 550 tỷ đồng.
- Triển khai thực hiện đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/ hóa chất có trọng tải 25.900 DWT.
- Tổ chức sửa chữa định kỳ và trung gian cho tàu Goby, tàu Windsor và Tàu Artemis đảm bảo đúng tiến độ với chi phí phù hợp và đảm bảo kế hoạch khai thác tàu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Hoạt động của đội tàu là nguồn phát thải khí nhà kính chính của công ty, với lượng CO<sub>2</sub> từ ba tàu Goby, Loyal và Orion đạt mức đáng kể. Điều này cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nhiên liệu hóa thạch như MDO và FO, đòi hỏi công ty phải xem xét các giải pháp thay thế bền vững hơn. Về tiêu thụ năng lượng tại văn phòng, mức điện năng và nước tiêu thụ cho thấy sự quản lý hiệu quả, tuy nhiên, vẫn cần duy trì và cải thiện các biện pháp tiết kiệm.

Đối với lượng nước tiêu thụ trên tàu, mặc dù cần thiết cho sinh hoạt và vệ sinh, việc tối ưu hóa quản lý và sử dụng nước là cần thiết để giảm thiểu lãng phí.

Trong tương lai, công ty chú trọng vào việc giảm phát thải từ đội tàu, ưu tiên nghiên cứu và áp dụng các công nghệ xanh như sử dụng nhiên liệu sạch hơn, cải tiến hiệu suất động cơ và khám phá các giải pháp năng lượng tái tạo. Đồng thời, việc tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và nước tại văn phòng và trên tàu là rất quan trọng. Công ty đang triển khai dự án đầu tư đóng mới các tàu với công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Về mặt xã hội, công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động thông qua mức lương cạnh tranh, phúc lợi đầy đủ và cơ hội phát triển nghề nghiệp, đồng thời xây dựng môi trường làm việc an toàn, công bằng và tôn trọng đa dạng. Thứ hai, an toàn lao động là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hàng hải, trang bị bảo hộ đầy đủ và tổ chức huấn luyện định kỳ. Thứ ba, Công ty khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng và môi trường, kiến tạo những giá trị tốt đẹp cho xã hội.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Công ty luôn tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực địa phương, tham gia các hoạt động cộng đồng do chính quyền, công đoàn cấp trên phát động.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Lĩnh vực vận tải biển: Năm 2024, Công ty đã hoàn thành đầu tư thành công đối với tàu Windsor và triển khai tìm kiếm tàu số 05 cho dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT như kế hoạch được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024. Công ty ký hợp đồng khai thác trong Pool Maersk Tankers đối với tàu Windsor và duy trì hợp đồng với các đối tác lâu năm cho đội tàu còn lại.
- Lĩnh vực quản lý và khai thác tàu: Năm 2024, Công ty vẫn duy trì hoạt động tốt việc quản lý và tư vấn quản lý tàu cho các chủ tàu trong nước. Công ty đã mở rộng số lượng khách hàng so với các năm trước.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Công tác quản lý:
  - Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015: duy trì hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.



- Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm 2024 đã nỗ lực hết sức để hoàn thành chức trách nhiệm vụ và kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đề ra.

## 2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của HĐQT, bước sang năm 2025, bức tranh thị trường được dự báo sẽ có những chuyển biến, dù tốc độ tăng trưởng toàn cầu có thể chậm lại. Các nhà phân tích cho rằng những khó khăn lớn nhất có thể đã qua và các yếu tố cản trở sẽ dần suy yếu.

Do đó, đề tận dụng cơ hội và ứng phó với thách thức từ thị trường vận tải biển năm 2025, Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám đốc xây dựng và triển khai các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2025 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Tờ trình về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Theo sát kế hoạch đầu tư tài sản đảm bảo đạt hiệu quả.
- Duy trì và phát triển hoạt động quản lý và tư vấn quản lý tàu bằng cách tìm kiếm và mở rộng đối tác khách hàng.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức và quản lý chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và xu thế phát triển của công ty.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2025.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	TV.HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Thành viên độc lập	Ghi chú
1	Ông Trần Trung Quốc	CT. HĐQT	0%		
2	Ông Lê Anh Nam	TV. HĐQT	0%	x	
3	Ông Võ Ngọc Phụng	TV. HĐQT	0%		Kiểm Giám đốc Công ty

STT	TV.HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Thành viên độc lập	Ghi chú
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	TV. HĐQT	0%		
5	Ông Phạm Xuân Quang	TV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 03/12/2024
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	CV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 31/5/2024
7	Ông Nguyễn Sơn Lâm	TV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 31/5/2024
8	Ông Lê Hoàng Phương	TV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 29/2/2024
9	Ông Hoàng Anh Quân	TV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 31/5/2024
10	Bà Lê Thị Mai	TV. HĐQT	0%		Miễn nhiệm ngày 31/5/2024

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT hoạt động theo Quy chế làm việc của HĐQT ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/QĐ-PCT-HĐQT ngày 04/09/2019; thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành. Tính đến thời điểm 31/12/2024, 3/4 thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty, thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức họp 40 lần, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 cho Giám đốc thực hiện;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 và lần 2 năm 2024, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội.
- Đối với công tác cán bộ, HĐQT đã phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ chủ chốt.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 



- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, hành động trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ khác, trung thực, tận tâm và vì lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông.
- Thành viên HĐQT độc lập đã duy trì tính độc lập của mình khỏi các ảnh hưởng bên ngoài, bao gồm cả các cổ đông lớn và Ban Giám đốc.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	TV.BKS	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng ban	0%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	TV.BKS	0%	
3	Bà Chu Thị Mai Hương	TV.BKS	0%	
4	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban		Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
5	Bà Đào Ngọc Mai	TV.BKS		Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
6	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	TV.BKS		Miễn nhiệm ngày 31/05/2024

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	04/06	100%	100%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024
2	Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	04/06	100%	100%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024
3	Bà Chu Thị Mai Hương	04/06	100%	100%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024
4	Bà Đặng Thị Dung	02/06	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
5	Bà Đào Ngọc Mai	02/06	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024

6	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	02/06	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
---	-----------------------	-------	------	------	-------------------------------

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập 2024
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>633.445.840</b>
1	Ông Trần Trung Quốc	Chủ tịch HĐQT	70.000.000
2	Ông Lê Anh Nam	Thành viên	56.000.000
3	Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên	56.000.000
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	71.000.000
5	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên	56.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch HĐQT	273.445.840
7	Bà Lê Thị Mai	Thành viên	15.000.000
8	Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên	6.000.000
9	Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên	15.000.000
10	Hoàng Anh Quân	Thành viên	15.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>288.306.880</b>
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng ban	221.306.880
2	Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên	21.000.000
3	Bà Chu Thị Mai Hương	Thành viên	21.000.000
4	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban	10.000.000
5	Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên	7.500.000
6	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên	7.500.000
<b>III</b>	<b>Ban Giám đốc</b>		<b>3.102.104.033</b>
1	Võ Ngọc Phụng	Giám đốc	680.987.280
2	Bà Lê Thị Mai	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/04/2024)	82.585.759
3	Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc	708.737.000
4	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc	359.311.477

*me*



5	Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc	179.844.000
6	Phạm Xuân Quang	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 04/11/2024)	276.535.914
7	Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16/09/2024)	111.103.545
8	Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/02/2023)	220.744.563
9	Bà Lê Thanh Chi	Kế toán trưởng	482.254.495

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thanh Chi	Kế toán trưởng	12.200	0.04%	0	0%	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

## VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Đính kèm.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, DH (1b).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**GIAM ĐỐC**  
  
**Võ Ngọc Phụng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**  
(Trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM)

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Trung Quốc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Lê Anh Nam	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Lê Thị Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 2 năm 2024)

**Ban Giám đốc**

Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2024)
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024)
Ông Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024 và có đơn từ nhiệm tại ngày 26 tháng 02 năm 2025)
Ông Phạm Xuân Quang	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024 và có đơn từ nhiệm tại ngày 27 tháng 02 năm 2025)
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Chu Thị Mai Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)  
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;  
Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Võ Ngọc Phụng

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 0265 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát  
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific  
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 22 tháng 02 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Quang Trung**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Nguyễn Hoàng Quốc Trí**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4773-2024-001-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại  
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 01-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>403.056.652.360</b>	<b>192.219.925.992</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.172.556.710	32.387.160.779
1. Tiền	111		23.172.556.710	9.187.160.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23.200.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.009.326.139	54.164.432.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	52.304.305.824	66.899.471.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	225.494.324.253	18.354.878.157
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.778.438.760	3.477.825.617
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
III. Hàng tồn kho	140		11.734.878.250	5.207.125.253
1. Hàng tồn kho	141	9	11.734.878.250	5.207.125.253
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.139.891.261	100.461.207.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	11.035.304.003	847.738.785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	104.104.487.258	99.613.369.015
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		100.000	100.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.495.682.542.916</b>	<b>1.046.312.313.752</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.200.000.000	2.200.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.200.000.000	2.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.454.379.201.348	1.034.382.370.105
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.454.379.201.348	1.034.344.370.105
- Nguyên giá	222		1.705.015.090.810	1.131.987.179.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.635.889.462)	(97.642.809.031)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	38.000.000
- Nguyên giá	228		-	746.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(708.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		64.928.238	668.382.627
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.928.238	668.382.627
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.038.413.330	9.061.561.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	38.516.903.366	7.705.338.890
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	521.509.964	1.356.222.130
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.898.739.195.276</b>	<b>1.238.532.239.744</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại  
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 01-DN**


Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.238.388.464.637</b>	<b>662.762.548.461</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>288.723.375.147</b>	<b>167.945.191.331</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	33.274.850.892	6.542.246.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.677.176	10.495.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.628.543.978	3.724.846.159
4. Phải trả người lao động	314	16	11.591.585.791	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.883.536.729	1.316.455.341
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.615.407.113	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.719.954.620	1.762.501.554
8. Vay ngắn hạn	320	20	214.262.267.640	154.526.571.432
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	692.551.208	62.074.632
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>949.665.089.490</b>	<b>494.817.357.130</b>
1. Vay dài hạn	338	20	949.665.089.490	494.817.357.130
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>660.350.730.639</b>	<b>575.769.691.283</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>660.350.730.639</b>	<b>575.769.691.283</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.354.930.000	500.354.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	500.354.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(288.400.000)	(223.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.839.178.790	839.178.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.526.522.803	72.880.683.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		740.000.251	35.156.637.790
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		87.786.522.552	37.724.045.657
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>1.898.739.195.276</b>	<b>1.238.532.239.744</b>

  
 Trương Đỗ Thanh Ngân  
 Người lập biểu

  
 Lê Thanh Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Ngọc Phụng  
 Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2025



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại  
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng  
 Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 02-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	540.056.890.013	409.437.422.193
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		540.056.890.013	409.437.422.193
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	337.616.869.782	285.696.199.162
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		202.440.020.231	123.741.223.031
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.134.959.455	3.661.621.523
6. Chi phí tài chính	22	29	74.589.960.105	68.820.951.271
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.734.156.475	67.609.076.069
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	23.210.159.578	12.203.086.283
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		109.774.860.003	46.378.807.000
9. Thu nhập khác	31		338.349.498	762.798.643
10. Chi phí khác	32		49.076.825	33.864.811
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		289.272.673	728.933.832
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		110.064.132.676	47.107.740.832
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	21.442.897.958	10.642.837.853
14. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	834.712.166	(1.259.142.678)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		87.786.522.552	37.724.045.657
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.632	1.017

  
 Trương Đỗ Thanh Ngân  
 Người lập biểu

  
 Lê Thanh Chi  
 Kế toán trưởng



  
 Võ Ngọc Phụng  
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại  
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 03-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	110.064.132.676	47.107.740.832
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	153.059.821.788	87.913.613.914
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	82.255.599	(611.426.989)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.004.068.835)	(575.804.218)
Chi phí lãi vay	06	72.734.156.475	67.609.076.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	334.936.297.703	201.443.199.608
Thay đổi các khoản phải thu	09	4.122.256.743	38.261.325.586
Thay đổi hàng tồn kho	10	(6.527.752.997)	(3.473.451.346)
Thay đổi các khoản phải trả	11	43.257.348.799	2.604.189.882
Thay đổi chi phí trả trước	12	(40.999.129.694)	(5.534.926.260)
Tiền lãi vay đã trả	14	(71.798.323.708)	(66.853.564.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.674.282.742)	(8.019.794.853)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.575.006.620)	(1.060.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	255.741.407.484	157.366.588.001
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(780.591.029.856)	(781.697.996.196)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.053.145.660	575.804.218
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(779.537.884.196)	(781.122.191.978)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	224.132.370.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	669.110.000.000	532.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(154.526.571.432)	(112.874.571.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	514.583.428.568	643.257.798.568
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.213.048.144)	19.502.194.591
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	32.387.160.779	12.877.264.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.555.925)	7.701.408
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	23.172.556.710	32.387.160.779

Trương Đỗ Thanh Ngân  
Người lập biểu

Lê Thanh Chi  
Kế toán trưởng

Võ Ngọc Phụng  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại  
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 11 năm 2018 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Khí và Hóa Chất Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 27, ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific. Hiện nay, Công ty đang hoạt động với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 thay đổi lần số 29 ngày 26 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12 tháng 9 năm 2011, với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 183 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 129 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê tàu biển, tư vấn quản lý tàu biển và mua bán hàng hóa khí hóa lỏng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### **Tài sản vô hình và khấu hao**

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

#### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

##### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

##### Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí sửa chữa tàu định kỳ và phản ánh tình hình quyết toán chi phí sửa chữa tàu định kỳ. Các chi phí này sẽ được chuyển sang chi phí trả trước và phân bổ từ thời điểm hoàn thành sửa chữa cho đến thời điểm sửa chữa tàu định kỳ tiếp theo.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm các khoản phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ tàu, phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các khoản phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo.



**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ vận tải chưa được chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	279.105.188	14.768.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.893.451.522	9.172.392.596
Các khoản tương đương tiền	-	23.200.000.000
	<b>23.172.556.710</b>	<b>32.387.160.779</b>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Maersk Tankers A/S	25.090.116.102	-
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	15.562.203.860
Công ty TNHH Dahasa	-	38.039.046.980
Các khách hàng khác	12.196.237.717	13.298.220.244
	<b>52.304.305.824</b>	<b>66.899.471.084</b>

6. NỢ KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>						
Lucky Ocean						
Shipping Company Limited	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781	15.562.203.860	1.077.213.079	14.484.990.781
Công ty TNHH TMDV						
Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541	3.621.148.541	-	3.621.148.541
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876	3.196.674.221	125.155.345	3.071.518.876
<b>Các khoản trả trước cho người bán</b>						
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	-	13.381.028.500	13.381.028.500	-	13.381.028.500
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	-	-	34.507.860	34.507.860	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	9.056.000	-	9.056.000	9.056.000	-	9.056.000
	<b>35.166.761.673</b>	<b>599.018.975</b>	<b>34.567.742.698</b>	<b>35.804.618.982</b>	<b>1.236.876.284</b>	<b>34.567.742.698</b>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương (*)	207.485.300.000	-
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	-	2.400.000.000
Khác	4.627.995.753	2.573.849.657
	<b>225.494.324.253</b>	<b>18.354.878.157</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư trả trước cho Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương là khoản trả trước liên quan đến hợp đồng mua tàu số 05 – tàu PCT Artemis (tên cũ: Opec Victory).

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ các công ty bảo hiểm (*)	6.187.916.234	214.928.138
Tạm ứng cho nhân viên	1.670.994.567	2.079.889.419
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	317.696.760	538.741.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.601.831.199	644.267.060
	<b>9.778.438.760</b>	<b>3.477.825.617</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ dài hạn	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>

(\*) Đây là các khoản phải thu bồi thường bảo hiểm cho các chi phí sửa chữa liên quan đến các sự cố tàu. Tại ngày lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để thu hồi lại các khoản bồi thường này từ các công ty bảo hiểm.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.711.616.840	4.928.665.262
Công cụ, dụng cụ	4.023.261.410	140.323.428
Hàng hóa	-	138.136.563
	<b>11.734.878.250</b>	<b>5.207.125.253</b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phí thuê văn phòng	8.507.065.933	-
Phí bảo hiểm	1.745.703.744	847.738.785
Chi phí ấn phẩm hàng hải, hải đồ điện tử	782.534.326	-
	<b>11.035.304.003</b>	<b>847.738.785</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ	34.079.470.299	7.671.739.984
Chi phí tư vấn tài chính	3.651.699.999	-
Công cụ, dụng cụ	785.733.068	33.598.906
	<b>38.516.903.366</b>	<b>7.705.338.890</b>



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	623.873.636	1.130.825.616.649	537.688.851	1.131.987.179.136
Tăng trong năm	-	572.727.315.174	378.414.682	573.105.729.856
Xóa sổ	-	-	(77.818.182)	(77.818.182)
Số dư cuối năm	623.873.636	1.703.552.931.823	838.285.351	1.705.015.090.810
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	413.573.799	96.818.375.608	410.859.624	97.642.809.031
Khấu hao trong năm	-	152.903.267.771	118.554.017	153.021.821.788
Xóa sổ	-	-	(28.741.357)	(28.741.357)
Số dư cuối năm	413.573.799	249.721.643.379	500.672.284	250.635.889.462
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	210.299.837	1.034.007.241.041	126.829.227	1.034.344.370.105
Tại ngày cuối năm	210.299.837	1.453.831.288.444	337.613.067	1.454.379.201.348

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Tàu vận tải Goby có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 274.294.822.792 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 305.347.066.888 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo hợp đồng thế chấp số 0053/2022-HĐTC1-BVB067 ngày 8 tháng 11 năm 2022.
- Tàu vận tải Orion có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 343.897.933.523 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 381.995.024.435 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0003-2023-HĐTC1-BVB067 ngày 21 tháng 2 năm 2023.
- Tàu vận tải Loyal có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.169.815.819 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 343.461.433.411 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0047-2023- HĐTD1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023.
- Tàu vận tải Windsor có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 533.184.633.525 đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0086/2024/BĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024.
- Xe Toyota có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.385.737.485 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.947.087.489 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021.

Các phương tiện vận tải trên có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 1.698.359.840.915 đồng và 1.451.932.943.144 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.127.466.425.741 đồng và 1.033.750.612.223 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.846.507.031 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.846.507.031 đồng).

**12. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ thể hiện khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh từ các giao dịch mua sắm tài sản và chi phí hoạt động kinh doanh, các khoản này sẽ được hoàn lại hoặc khấu trừ với nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả phát sinh trong tương lai.

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Chi phí lãi vay VND	Chi phí phải trả VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.327.112.804	29.109.326	1.356.222.130
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(1.327.112.804)	492.400.638	(834.712.166)
Số dư cuối năm	-	521.509.964	521.509.964

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	7.428.656.400	-
Seastar Maritime Company Limited	2.829.390.137	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Liên Minh	2.443.063.309	-
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dũng	1.962.458.089	2.467.327.280
Khác	18.611.282.957	4.074.919.573
	<b>33.274.850.892</b>	<b>6.542.246.853</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	416.927.904	416.927.904	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	119.680.761	119.680.761	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.674.282.742	21.442.897.958	4.674.282.742	20.442.897.958
Thuế thu nhập cá nhân	50.563.417	1.280.508.426	1.145.425.823	185.646.020
Khác	-	354.694.449	354.694.449	-
	<b>3.724.846.159</b>	<b>23.614.709.498</b>	<b>6.711.011.679</b>	<b>20.628.543.978</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tiền lương phải trả được trích lập theo định biên lao động và quỹ lương kế hoạch được phê duyệt cho năm 2024.



17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí sửa chữa và vận hành tàu	1.834.844.988	-
Chi phí lãi vay	2.106.741.479	1.170.908.712
Khác	941.950.262	145.546.629
	<b>4.883.536.729</b>	<b>1.316.455.341</b>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu dịch vụ vận tải nhận trước từ Maersk Tankers A/S.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	69.502.527	118.548.549
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	713.393.508	706.894.420
	<b>1.719.954.620</b>	<b>1.762.501.554</b>

20. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm	Số cuối năm
	VND		VND	VND
	Giá trị	Tăng	Phân loại lại	Thanh toán
Vay ngắn hạn	-	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	154.526.571.432	-	214.262.267.640	(154.526.571.432)
Vay dài hạn	494.817.357.130	689.110.000.000	(214.262.267.640)	(20.000.000.000)
	<b>649.343.928.562</b>	<b>789.110.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(274.526.571.432)</b>
				<b>1.163.927.357.130</b>

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	422.571.432	422.571.432
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	154.104.000.000	154.104.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	59.735.696.208	-
	<b>214.262.267.640</b>	<b>154.526.571.432</b>
<b>b. Vay dài hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	950.785.698	1.373.357.130
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	339.340.000.000	493.444.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	333.524.303.792	-
Bà Lương Diệu Linh (iv)	110.000.000.000	-
Ông Lê Đức Tuấn (v)	165.850.000.000	-
	<b>949.665.089.490</b>	<b>494.817.357.130</b>

- (i) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất ban đầu là 6,99%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty là xe Toyota (xem Thuyết minh số 11).
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng với mục đích mua sắm phương tiện vận tải như sau:

Số hợp đồng tín dụng	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn vay	Tài sản thế chấp
0093-2022-HĐTD1-BVB067	08/11/2022	Lãi suất cơ sở + 3,3%/năm	60 tháng	Tàu Goby
0017-2023-HĐTD1-BVB067	21/02/2023	Lãi suất cơ sở + 3,0%/năm	60 tháng	Tàu Orion
0047-2023-HĐTD1-BVB067	11/08/2023	Lãi suất cơ sở + 3,1%/năm	60 tháng	Tàu Loyal

Trong tháng 01 năm 2025, Công ty đã tiến hành tắt toán trước hạn các khoản vay này và tái tài trợ bằng các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh An Phú (Thuyết minh số 36).

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 27 tháng 6 năm 2024 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Windsor (xem Thuyết minh số 11).
- (iv) Vay bà Lương Diệu Linh theo hợp đồng vay tiền số 110/2024/PCT-LDL ngày 25 tháng 12 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng TMCP Quân đội cộng biên độ 3,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng.
- (v) Vay ông Lương Đức Tuấn theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay tiền số 109/2024/PCT-LDT ngày 19 tháng 9 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với số tiền vay là 100.000.000.000 đồng, lãi suất cố định 9,4%/năm, thời hạn vay là 60 tháng. 20% khoản vay được hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày giải ngân, 80% khoản vay còn lại được trả vào cuối kỳ hoặc có thỏa thuận khác.
  - Hợp đồng vay tiền số 111/2024/PCT-LDT ngày 24 tháng 12 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với số tiền vay là 85.850.000.000 đồng, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng TMCP Quân đội cộng biên độ 3,5%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	214.262.267.640	154.526.571.432
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	949.665.089.490	494.817.357.130
	<b>1.163.927.357.130</b>	<b>649.343.928.562</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(214.262.267.640)	(154.526.571.432)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>949.665.089.490</b>	<b>494.817.357.130</b>



21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	58.936.764	800.000.000	594.320.000	264.616.764
Quỹ phúc lợi	3.137.868	1.840.683.196	1.415.886.620	427.934.444
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>62.074.632</b>	<b>3.140.683.196</b>	<b>2.510.206.620</b>	<b>692.551.208</b>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cổ phần	Số cuối năm VND	Số cổ phần	Số đầu năm VND
Được phép phát hành	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000
Đã phát hành và vốn góp đủ	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)
Ông Đỗ Anh Việt	132.960.000.000	26,57	26,57	132.960.000.000	26,57	26,57
Bà Trần Thị Thu Hà	111.552.800.000	22,29	22,29	88.552.800.000	17,70	17,70
Ông Trần Vọng Phúc	110.730.520.000	22,13	22,13	80.730.520.000	16,13	16,13
Ông Cao Đức Sơn	92.862.800.000	18,56	18,56	13.259.405.645	2,65	2,65
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	0,00	0,00	132.583.200.000	26,50	26,50
Các cổ đông khác	52.248.810.000	10,44	10,44	52.269.004.355	10,45	10,45
	<b>500.354.930.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>500.354.930.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.998.960.000	-	-	839.178.790	1.918.499.046	36.265.707.248	-	315.022.345.084
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	224.355.970.000	(223.600.000)	-	-	-	-	-	224.132.370.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	37.724.045.657	-	37.724.045.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(709.069.458)	-	(709.069.458)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	-	(400.000.000)	-	(400.000.000)
Số dư cuối năm trước	500.354.930.000	(223.600.000)	-	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	-	575.769.691.283
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	87.786.522.552	-	87.786.522.552
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	69.000.000.000	-	(69.000.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(2.640.683.196)	-	(2.640.683.196)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Khác	-	(64.800.000)	-	-	-	-	(64.800.000)	(64.800.000)
Số dư cuối năm này	500.354.930.000	(288.400.000)	-	69.839.178.790	1.918.499.046	88.526.522.803	-	660.350.730.639

(\*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành, quỹ đầu tư và phát triển của Công ty với số tiền lần lượt là 2.640.683.196 đồng, 500.000.000 đồng và 69.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024.

Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 đã thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ Công ty theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024. Theo Nghị quyết số 34/2024/NQ-PCT-HDQT ngày 03 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc điều chỉnh phương án chào bán và triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tổng giá trị chào bán 333.569.960.000 đồng theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Nghị quyết này.



23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	672.099,36	206.375,53
Euro ("EUR")	160,96	160,96

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
	<b>2.905.635.125</b>	<b>2.905.635.125</b>

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	10.456.714.185	1.476.373.818.520	1.327.508.641	1.488.158.041.346
Tài sản không phân bổ				410.581.153.930
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>1.898.739.195.276</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	903.400.313.639	-	903.400.313.639
Nợ phải trả không phân bổ				334.988.150.998
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>1.238.388.464.637</b>

31/12/2023	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	44.136.923.559	1.050.440.233.366	1.800.000.000	1.096.377.156.925
Tài sản không phân bổ				142.155.082.819
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>1.238.532.239.744</b>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	654.947.369.468	-	654.947.369.468
Nợ phải trả không phân bổ				7.815.178.993
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>662.762.548.461</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.996.005.250	498.200.884.763	32.860.000.000	540.056.890.013
Giá vốn	(8.836.210.699)	(310.874.181.342)	(17.906.477.741)	(337.616.869.782)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>159.794.551</b>	<b>187.326.703.421</b>	<b>14.953.522.259</b>	<b>202.440.020.231</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(23.210.159.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				179.229.860.653
Doanh thu hoạt động tài chính				5.134.959.455
Chi phí tài chính				(74.589.960.105)
Lợi nhuận khác				289.272.673
Lợi nhuận kế toán trước thuế				110.064.132.676
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21.442.897.958)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(834.712.166)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>87.786.522.552</b>
Thông tin khác				
Khấu hao				153.059.821.788



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	Thương mại và dịch vụ khác	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.655.248.854	311.205.566.203	16.576.607.136	409.437.422.193
Giá vốn	(79.101.012.268)	(193.451.737.164)	(13.143.449.730)	(285.696.199.162)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.554.236.586</b>	<b>117.753.829.039</b>	<b>3.433.157.406</b>	<b>123.741.223.031</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(12.203.086.283)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				111.538.136.748
Doanh thu hoạt động tài chính				3.661.621.523
Chi phí tài chính				(68.820.951.271)
Lợi nhuận khác				728.933.832
Lợi nhuận kế toán trước thuế				47.107.740.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.642.837.853)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.259.142.678
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>37.724.045.657</b>
<b>Thông tin khác</b>				
Khấu hao				87.913.613.914

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Về mặt địa lý, doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu theo khu vực địa lý</b>		
Doanh thu quốc tế	506.759.253.648	311.205.566.203
Doanh thu nội địa	33.297.636.365	98.231.855.990
	<b>540.056.890.013</b>	<b>409.437.422.193</b>
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Giá vốn theo khu vực địa lý</b>		
Giá vốn quốc tế	319.517.457.365	193.451.737.164
Giá vốn nội địa	18.099.412.417	92.244.461.998
	<b>337.616.869.782</b>	<b>285.696.199.162</b>

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	498.200.884.763	311.205.566.203
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý tàu	32.860.000.000	16.576.607.136
Doanh thu bán hàng thương mại và dịch vụ khác	8.996.005.250	81.655.248.854
	<b>540.056.890.013</b>	<b>409.437.422.193</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>		
(Thuyết minh số 34)	-	1.121.911.112

26. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	310.874.181.342	193.451.737.164
Giá vốn dịch vụ tư vấn quản lý tàu	17.906.477.741	13.143.449.730
Giá vốn bán hàng thương mại và dịch vụ khác	8.836.210.699	79.101.012.268
	<b>337.616.869.782</b>	<b>285.696.199.162</b>

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.140.104.501	12.252.606.422
Chi phí nhân công	77.943.356.838	58.241.968.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.059.821.788	87.913.613.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.383.246.233	60.363.050.426
Chi phí khác bằng tiền	300.500.000	419.580.000
	<b>360.827.029.360</b>	<b>219.190.819.445</b>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	35.423.308	575.804.218
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.081.813.795	3.085.817.305
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.017.722.352	-
	<b>5.134.959.455</b>	<b>3.661.621.523</b>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	72.734.156.475	67.609.076.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.451.307.628	679.875.202
Chi phí tài chính khác	404.496.002	532.000.000
	<b>74.589.960.105</b>	<b>68.820.951.271</b>



**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.150.425	249.348.437
Chi phí cho nhân viên	4.626.439.298	4.745.311.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	717.152.863	762.909.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.416.916.992	6.120.937.125
Chi phí khác	300.500.000	324.580.000
	<b>23.210.159.578</b>	<b>12.203.086.283</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	110.064.132.676	47.107.740.832
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.323.440.170	6.635.564.021
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	650.234.513	697.989.642
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	6.823.317.575	1.114.569.521
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>107.214.489.784</b>	<b>53.326.724.974</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>21.442.897.958</b>	<b>10.665.344.995</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(22.507.142)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>21.442.897.958</b>	<b>10.642.837.853</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	87.786.522.552	37.724.045.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.145.056.579)	(2.640.683.196)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>81.641.465.973</b>	<b>35.083.362.461</b>
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phần)	50.035.493	34.484.244
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.632</b>	<b>1.017</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm tài chính như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 7% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.724.045.657	-	37.724.045.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.274.990.006)	(365.693.190)	(2.640.683.196)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>35.449.055.651</b>	<b>(365.693.190)</b>	<b>35.083.362.461</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.484.244	-	34.484.244
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.028</b>	<b>(11)</b>	<b>1.017</b>

### 33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

#### Cam kết thuê hoạt động

##### Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<b>8.086.487.332</b>	<b>1.736.955.000</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	6.681.572.543	7.960.302.950
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	29.773.058.000	36.376.280.966
	<b>36.454.630.543</b>	<b>44.336.583.916</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê hoạt động khác. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 11 năm 2028.

##### Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<b>498.638.521.128</b>	<b>311.603.202.571</b>



Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	509.260.210.005	433.040.850.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.308.364.200.000	689.922.750.000
	<u>1.817.624.410.005</u>	<u>1.122.963.600.000</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Maersk Tankers A/S thông qua việc cho thuê các tàu Goby (từ ngày 01 tháng 10 năm 2024), Orion (từ ngày 01 tháng 10 năm 2024) và Windsor (từ ngày 08 tháng 7 năm 2024) với thời hạn thuê 48 tháng. Khoản doanh thu ước tính này dựa trên thỏa thuận hợp đồng với Maersk Tankers A/S về doanh thu cho thuê theo ngày. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa thanh toán các khoản đặt cọc về vốn hoạt động theo các hợp đồng ký với Maersk Tankers A/S với số tiền là 250.000 Đô la Mỹ/tàu.

Ngoài ra, khoản cam kết cho thuê hoạt động còn thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Seastar Maritime Co., Ltd. thông qua việc cho thuê tàu Loyal với thời hạn 03 năm từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

#### **Cam kết đầu tư tài sản có giá trị lớn**

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tàu số 05 loại chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT với tổng mức đầu tư không vượt quá 30,424 triệu Đô la Mỹ. Tại ngày 26 tháng 12 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng mua bán tàu Opec Victory với Công ty TNHH Vận Tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với trị giá 634.750.000.000 đồng. Vào ngày 02 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và nhận bàn giao tàu này (Thuyết minh số 36).

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 2 năm 2024 số 03/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 03 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT với giá trị đầu tư không vượt quá 48.155.800 Đô la Mỹ/tàu. Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd. (Thuyết minh số 36).

### **34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

#### **Danh sách các bên liên quan**

##### **Bên liên quan**

Ông Đỗ Anh Việt  
Bà Trần Thị Thu Hà  
Ông Trần Vọng Phúc  
Ông Cao Đức Sơn

Ông Nguyễn Hồng Hiệp

Công ty Cổ phần Thương mại  
Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát

##### **Mối quan hệ**

Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp  
Cổ đông sở hữu 22,29% vốn góp  
Cổ đông sở hữu 22,13% vốn góp  
Cổ đông sở hữu 18,56% vốn góp (trở thành cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024)  
Cổ đông (không còn là cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024)  
Trong năm 2023, Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Trong năm 2023, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Hưng Phát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Phí tư vấn quản lý tàu	-	1.121.911.112
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Mua khí hóa lỏng LPG	-	12.192.075.000
<b>Giao dịch khác</b>		
Hoàn ứng cọc đơn hàng	-	13.000.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	273.445.840	565.551.440
Ông Trần Trung Quốc	70.000.000	-
Ông Lê Hoàng Phương	6.000.000	21.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	15.000.000	21.000.000
Ông Võ Ngọc Phụng	56.000.000	-
Bà Lê Thị Mai	15.000.000	36.000.000
Ông Phạm Xuân Quang	56.000.000	-
Ông Nguyễn Sơn Lâm	15.000.000	36.000.000
Ông Phạm Ngọc Hà	-	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	71.000.000	36.000.000
Ông Lê Anh Nam	56.000.000	-
	<b>633.445.840</b>	<b>751.551.440</b>
<b>Ban Điều hành</b>		
Ông Võ Ngọc Phụng	680.987.280	-
Bà Lê Thị Mai	82.585.759	263.142.389
Ông Nguyễn Sơn Lâm	220.744.563	68.720.850
Ông Đoàn Nguyên Sơn	708.737.000	658.087.850
Ông Nguyễn Văn Kiêu	111.103.545	182.431.856
Ông Phạm Xuân Quang	276.535.914	-
Ông Hoàng Anh Quân	179.844.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	359.311.477	-
Bà Lê Thanh Chi	482.254.495	413.502.426
	<b>3.102.104.033</b>	<b>1.585.885.371</b>
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	221.306.880	-
Bà Đào Ngọc Mai	7.500.000	18.000.000
Bà Đặng Thị Dung	10.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	7.500.000	18.000.000
Bà Chu Thị Mai Hương	21.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	21.000.000	-
	<b>288.306.880</b>	<b>60.000.000</b>



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư chủ yếu Công ty với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	1.800.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	2.400.000.000

**35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 2.106.741.479 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.170.908.712 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Ngoài ra, tiền thu đi vay và tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 120.000.000.000 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 đồng) là giá trị các khoản vay có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng được trình bày trên cơ sở thuần.


**36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**


Vào ngày 02 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và nhận bàn giao tàu số 05 – tàu PCT Artemis (tên cũ: Opec Victory) từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá trị mua tàu là 634.750.000.000 đồng. Khoản chi đầu tư này được tài trợ một phần bởi khoản vay mới được cấp bởi Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú trong tháng 01 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 427.250.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc được cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh An Phú với mục đích tái tài trợ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Trong tháng 01 năm 2025, Công ty đã tiến hành việc ký kết và tái tài trợ theo phê duyệt này.

Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd.

  
Trương Đỗ Thanh Ngân  
Người lập biểu

  
Lê Thanh Chi  
Kế toán trưởng

  
Võ Ngọc Phụng  
Giám đốc  
Ngày 28 tháng 02 năm 2025